

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐOÀN PHƯƠNG THẢO

THẺ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN
CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM

Thảo

Thảo Hoa Phương

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ

Mã số: 931 01 02

HÀ NỘI - 2024

Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS.TS. Trần Hoa Phượng**
2. TS. Phạm Anh

Phản biện 1: **PGS.TS. Bùi Ngọc Quỳnh**
Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

Phản biện 2: **PGS.TS. Đỗ Hương Lan**
Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Phản biện 3: **PGS.TS. Trần Sỹ Lâm**
Trường Đại học Ngoại thương

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện họp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Vào hồi 15 giờ 00 phút, ngày 3 tháng 4 năm 2024

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
- Thư viện Quốc gia Việt Nam

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) luôn luôn quan tâm huy động vốn. Việc giải quyết vốn không chỉ là công việc nội bộ mà còn là vấn đề của nhiều chủ thể khác, trong đó có Nhà nước. Thể chế đóng vai trò rất quan trọng, là một phần của môi trường kinh doanh, tác động trực tiếp đến DNNVV. Trên cơ sở đó, xây dựng hệ thống thể chế nhằm tạo khung khổ pháp lý điều chỉnh các mối quan hệ xã hội, góp phần tạo nên một xã hội ổn định, bình đẳng và kinh doanh lành mạnh. Các DNNVV tham gia kinh tế trong hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động, trở thành yếu tố then chốt thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế. Ngoài ra, doanh nghiệp nhỏ và vừa đang khai thác và phát huy các nguồn lực địa phương, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Thực tiễn cho thấy, nguồn vốn tự có của DNNVV vẫn còn khá hạn hẹp nhưng họ còn đối mặt với rất nhiều khó khăn về thu hút vốn. Những mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn đối với DNNVV khá phức tạp, giải quyết chưa triệt để, nhất là trong phương diện thể chế. Một trong những nguyên nhân quan trọng về mặt lý luận chưa luận giải rõ bản chất đặc thù của hệ thống thể chế này phù hợp với yêu cầu phát triển DNNVV.

Từ những bất cập về thực tiễn và lý luận, để tạo điều kiện phát huy vai trò của DNNVV ở Việt Nam thời gian tới, cần thiết tiếp tục nghiên cứu toàn diện và sâu sắc theo phương diện kinh tế chính trị, làm rõ bản chất cũng như nguyên nhân những yếu kém của thể chế về vốn gắn với đặc thù sự vận động của vốn trong quy trình kinh doanh của DNNVV. Việc nghiên cứu làm rõ bản chất kinh tế của thể chế cho huy động vốn của DNNVV nhằm tạo căn cứ khoa học cho xác định và thực thi các giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi cho DNNVV huy động vốn, đang là vấn đề thời sự, cấp thiết. Do vậy, tác giả chọn vấn đề "*Thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam*" làm đề tài luận án Tiến sĩ, ngành Kinh tế chính trị của mình.

2. Mục đích, nhiệm vụ và câu hỏi nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về thể chế huy động vốn cho DNNVV, đánh giá thực trạng thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam từ năm 2011 - 2023, đề xuất định hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Thứ nhất: Hệ thống hoá và làm rõ cơ sở lý luận về thể chế cho huy động vốn của DNNVV như khái niệm, đặc điểm, vai trò về thể chế cho huy động vốn của DNNVV, xác định nội dung, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến thể chế cho huy động vốn của DNNVV; nghiên cứu kinh nghiệm về hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở một số quốc gia và rút ra bài học cho Việt Nam.

Thứ hai: Phân tích thực trạng thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam để tìm ra những thành công, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế về thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam từ năm 2011 - 2023.

Thứ ba: Đề xuất định hướng và giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam thời gian tới.

2.3. Câu hỏi nghiên cứu

Thứ nhất, cơ sở hình thành và bản chất thể chế cho huy động vốn của DNNVV là gì? Thể chế cho huy động vốn của DNNVV trong nền kinh tế thị trường gồm những nội dung nào?

Thứ hai, việc xây dựng và hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam thời gian qua đạt được những thành tựu và còn những hạn chế nào? Nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế đó?

Thứ ba, cần thực thi những giải pháp nào trong hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam thời gian tới?

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là thể chế cho huy động vốn của DNNVV với tư cách là mối quan hệ giữa DNNVV với các chủ thể cung

cấp vốn và tạo điều kiện cho DNNVV huy động vốn trong nền kinh tế thị trường.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu về nội dung: Vấn đề thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam có phạm vi rất rộng. Luận án giới hạn phạm vi nghiên cứu về nội dung chủ yếu tập trung vào nghiên cứu các thể chế chính thức cho huy động vốn của DNNVV phản ánh những mối quan hệ tín dụng giữa các ngân hàng thương mại và DNNVV, đồng thời nghiên cứu thể chế cho huy động vốn của DNNVV từ các nguồn khác, nhất là từ các chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Thể chế kinh tế chính thức cho huy động vốn của DNNVV được nghiên cứu trong luận án chủ yếu tập trung vào: Các quy tắc (luật chơi) cho huy động vốn; thể chế kiểm tra giám sát và xử lý mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn đối với DNNVV do Nhà nước và các tổ chức tín dụng ban hành.

Phạm vi về không gian: Nghiên cứu thể chế chính thức cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam.

Phạm vi về thời gian: Chủ yếu từ năm 2011 đến 2022, một số số liệu cập nhật đến năm 2023, đề xuất giải pháp đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2045.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, trọng tâm là lý luận về thể chế kinh tế; đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về thể chế của DNNVV ở Việt Nam; kế thừa một cách có chọn lọc hợp lý kết quả nghiên cứu trong các công trình nghiên cứu có liên quan.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp trừu tượng hóa khoa học: Được sử dụng trong toàn bộ luận án nhằm tìm ra bản chất của đối tượng nghiên cứu từ cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng đến đề xuất giải pháp hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045.

Phương pháp thu thập tài liệu, dữ liệu: Thu thập tài liệu, dữ liệu chủ yếu từ các nguồn chính thức để nghiên cứu các định hướng, chính sách, các quy tắc (luật chơi) cho huy động vốn; thể chế kiểm tra giám sát và xử lý mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn đối với DNNVV từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác. Thu thập, phân tích, đánh giá, tổng hợp và xử lý dữ liệu, tổng hợp báo cáo, thống kê số liệu của các Sở, Ban, Ngành ở Việt Nam. Nguồn dữ liệu được sử dụng trong nghiên cứu này bao gồm những thông tin đã được công bố trên sách, tạp chí, trên các trang web, các báo cáo của Sở, Ban, Ngành, niên giám thống kê, sách trắng doanh nghiệp Việt Nam. Luận án kết hợp nhiều kỹ thuật thu thập thông tin để thu thập thông tin một cách tương đối đầy đủ và chính xác theo các mục tiêu nghiên cứu đã đề ra.

Phương pháp phân tích và tổng hợp: Sử dụng xuyên suốt trong quá trình xây dựng luận án, trên cơ sở dữ liệu, tài liệu, số liệu thu thập được thông qua các văn bản, chính sách của Đảng, Nhà nước và các tài liệu có liên quan đến thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu so sánh: Với mục tiêu và đối tượng nghiên cứu là thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam nên phương pháp nghiên cứu so sánh được lựa chọn sử dụng. Phương pháp này giúp nghiên cứu sinh có thể so sánh sự tăng trưởng qua các năm, so sánh kế hoạch và thực hiện mục tiêu đánh giá thực trạng thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam để tìm ra những thành công, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế về thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam.

Phương pháp logic và lịch sử: Sử dụng phương pháp logic và lịch sử nhằm khái quát thực trạng bằng các luận điểm, sau đó chứng minh các luận điểm với các số liệu hoặc mô tả các vấn đề trong thực tiễn, liên hệ thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam.

5. Những đóng góp về khoa học và giá trị của luận án

- Luận án đã góp phần bổ sung làm rõ thêm khái niệm thể chế cho huy động vốn của DNNVV với tư cách là một bộ phận quan trọng đặc thù

trong hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

- Đồng thời, luận án xây dựng khung phân tích nội dung và tiêu chí đánh giá thể chế cho huy động vốn của DNNVV. Trong đó gồm hai nội dung chủ yếu: (1) Thể chế cho huy động vốn của DNNVV từ các tổ chức tín dụng; (2) Thể chế cho huy động vốn của DNNVV từ các nguồn khác. Và nhóm tiêu chí chủ yếu bao gồm: (1) Tiêu chí về bảo đảm đủ vốn cho DNNVV; (2) Tiêu chí về mức độ đầy đủ và tính đồng bộ; (3) Tiêu chí về thủ tục tiếp cận vốn nhanh - gọn - chi phí thấp; (4) Tiêu chí hiệu lực thể chế; (5) Tiêu chí về khơi thông nguồn vốn và thúc đẩy DNNVV phát triển đúng định hướng; (6) Tiêu chí đánh giá hiệu quả.

- Phân tích rõ thực trạng thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam trên nhiều khía cạnh, từ đó đã chỉ rõ những kết quả đạt được chủ yếu bao gồm: (1) Hệ thống thể chế cho huy động vốn của DNNVV đã từng bước được xây dựng và hoàn thiện theo hướng ngày càng đầy đủ, đồng bộ, văn minh; (2) Hệ thống thể chế cho huy động vốn đã tạo nhiều thuận lợi cho DNNVV trong huy động các nguồn vốn. Đồng thời chỉ ra những hạn chế yếu kém: (1) Hệ thống thể chế cho huy động vốn của DNNVV chưa thực sự phù hợp với yêu cầu huy động vốn của DNNVV, chậm được thay đổi để phù hợp với sự biến đổi của điều kiện kinh doanh; (2) Chất lượng một số thể chế chính thức chưa cao, chưa phù hợp với yêu cầu về đảm bảo tạo thuận lợi cho DNNVV trong huy động vốn và nguyên nhân.

- Đề xuất được các giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thời gian tới.

6. Ý nghĩa khoa học của luận án

Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo, giúp các cơ quan nghiên cứu, các ban ngành liên quan tham khảo để hoạch định chính sách và chỉ đạo thực tiễn trong việc hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

7. Kết cấu luận án

Ngoài ra mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận án được trình bày trong 4 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

1.1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN

Tác giả tổng quan theo hai nội dung: (1) Các công trình nghiên cứu thể chế cho huy động vốn trên thế giới; (2) Các công trình nghiên cứu trong nước về thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.2. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA, NHỮNG KHOẢNG TRỐNG KHOA HỌC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

1.2.1. Khái quát kết quả nghiên cứu thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa mà luận án có thể kế thừa

Những nhận định về thể chế đảm bảo vốn cho DNNVV có điểm nghẽn và cần đề ra giải pháp hoàn thiện sẽ được luận án chất lọc, kế thừa, bao gồm:

Thứ nhất, các thể chế kinh tế vi mô chưa trở thành yếu tố thuận lợi để khơi thông nguồn lực đầu vào, cụ thể vấn đề đang bàn ở đây là vốn.

Thứ hai, thể chế liên kết doanh nghiệp còn yếu. Ở Việt Nam liên kết giữa các doanh nghiệp theo chuỗi cung ứng rất hạn chế.

Thứ ba, số đông các DNNVV chưa nhận thức đúng về tầm ảnh hưởng của quá trình hội nhập quốc tế và quá trình toàn cầu hóa tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2.2. Những khoảng trống về lý luận thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam cần tiếp tục nghiên cứu, giải quyết

Các công trình nghiên cứu chưa đưa ra được khái niệm thể chế cho huy động vốn của DNNVV trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

Các nghiên cứu về thể chế chủ yếu xem xét bộ phận cấu thành của thể chế nói chung trên mỗi lĩnh vực của xã hội, song chưa làm rõ các bộ

phận cấu thành của thể chế cho huy động vốn của DNNVV nói riêng trong nền kinh tế thị trường, cũng như vị trí, vai trò của từng bộ phận đó chưa được làm rõ.

Chưa có nghiên cứu cụ thể nào, nghiên cứu về thể chế cho huy động vốn của DNNVV, cũng như hệ thống các giải pháp góp phần hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

1.2.3. Những vấn đề trọng tâm trong nghiên cứu thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam mà luận án cần tập trung làm rõ

Thứ nhất, trên cơ sở các khái niệm về DNNVV, vốn và huy động vốn, thể chế và thể chế kinh tế, cần làm rõ khái niệm thể chế cho huy động vốn của DNNVV trong nền kinh tế thị trường.

Thứ hai, phân tích và chỉ ra đặc điểm chung của thể chế cho huy động vốn; đặc thù và vai trò của thể chế cho huy động vốn trong sự phát triển của DNNVV ở Việt Nam; nội dung, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến thể chế cho huy động vốn của DNNVV trong nền kinh tế thị trường; đúc kết kinh nghiệm từ quốc tế và rút ra giá trị tham khảo cho Việt Nam.

Thứ ba, từ đánh giá khái quát thực trạng hình thành, phát triển DNNVV ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới cần tập trung làm rõ thực trạng thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam, nhất là thời gian từ 2011 - 2023; phân tích thực trạng thể chế cho huy động vốn của DNNVV từ phía các tổ chức tín dụng và các nguồn khác, chỉ rõ kết quả đạt được, chưa được và nguyên nhân trong những quan hệ kinh tế.

Thứ tư, thực trạng vấn đề mà luận án phân tích và đưa ra đánh giá, cần nghiên cứu mặt còn hạn chế của thể chế cho huy động vốn của DNNVV đang ảnh hưởng tiêu cực, làm giảm năng lực cạnh tranh và vị thế trong nước và quốc tế của DNNVV. Trên cơ sở đó, định hướng và đề xuất giải pháp tiếp tục hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam góp phần hướng đến mục tiêu kinh tế bền vững ở những thời kỳ tiếp theo.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ VỀ THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

2.1.1. Khái niệm thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa

- Khái niệm doanh nghiệp nhỏ và vừa

Xét theo tiêu chí quy mô, doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường thường được phân thành hai nhóm: Nhóm doanh nghiệp lớn và nhóm DNNVV. Ở Việt Nam, tiêu chí xác định DNNVV quy định tại Điều 4, Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017. Trong luận án này, khái niệm DNNVV được sử dụng để chỉ những doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí tại Điều 5 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

- Khái niệm vốn và huy động vốn

Trong luận án khái niệm vốn được sử dụng theo nghĩa là hình thái giá trị của toàn bộ các tài sản được quy thành tiền, mà doanh nghiệp đầu tư và sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục đích thu lợi nhuận.

Huy động vốn là tổng thể các hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp và gián tiếp liên quan đến sự hình thành, phát triển nguồn vốn tài chính đảm bảo mọi hoạt động của doanh nghiệp diễn ra suôn sẻ.

- Khái niệm thể chế, thể chế kinh tế và thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Trên cơ sở kế thừa, có thể hiểu định nghĩa về thể chế như sau: Thể chế là những khung khổ, chuẩn mực chính thức (pháp luật, luật lệ, quy tắc...) và phi chính thức (truyền thống, tập quán, thói quen hay phong tục...) được xã hội chấp nhận nhằm điều chỉnh hành vi con người và điều tiết các hoạt động, quan hệ xã hội. Tuy nhiên, luận án chỉ nghiên cứu thể chế chính thức.

Thể chế kinh tế là những khung khổ, chuẩn mực được xã hội chấp nhận nhằm điều chỉnh hành vi ứng xử của những chủ thể tham gia, điều tiết, quản lý hoạt động kinh tế trên thị trường.

Thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa là tổng thể

hay toàn bộ những quy tắc, quy định điều chỉnh hành vi (quyền và nghĩa vụ, được làm và không được làm) của các chủ thể liên quan (cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp...) cùng hệ thống chế tài xử lý tranh chấp nhằm tạo ra vốn (dưới hình thái tiền) cho DNNVV hoạt động, phát triển.

Một số lưu ý:

Thứ nhất, khái niệm thể chế huy động vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa chỉ đề cập những quy định tác động trực tiếp tới DNNVV, không đề cập tới doanh nghiệp lớn;

Thứ hai, chỉ đề cập những quy định, quy tắc liên quan đến thể chế chính thức, không đề cập tới thể chế phi chính thức (như đã trình bày trong “phạm vi nghiên cứu”);

Thứ ba, chủ thể liên quan bao gồm nhà nước, các tổ chức tín dụng, bản thân người lao động trong doanh nghiệp, và các chủ thể khác.

2.1.2. Đặc điểm thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Thứ nhất, gắn với sự hình thành, thu hút nguồn vốn cho đầu tư, kinh doanh của chủ thể trong nền kinh tế, thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nói chung và DNNVV nói riêng được cấu thành bởi các bộ phận như:

Một là, những khung khổ, chuẩn mực chính thức như pháp luật, luật lệ, quy tắc... được gọi là "luật chơi".

Hai là, những chủ thể liên quan tới huy động vốn cho doanh nghiệp nói chung và DNNVV nói riêng với tư cách “người chơi”.

Thứ hai, một số đặc thù của thể chế cho huy động vốn của DNNVV:

Một là, các DNNVV nhìn chung có quy mô nhỏ nên khả năng đủ vốn để phục vụ các hoạt động hoặc đầu tư là rất thấp, do đó, thể chế của các tổ chức tín dụng có vai trò to lớn trong việc giúp DNNVV tiếp cận gần hơn với nguồn vốn tín dụng.

Hai là, doanh nghiệp nhỏ và vừa là nhân tố tích cực nhất của nền kinh tế nhưng năng lực nội tại lại không có nhiều vốn. Các thể chế liên quan đến tiếp cận vốn sẽ giúp bổ sung vốn cho họ.

Ba là, phương thức vận hành của thể chế “cách chơi”. Phương thức

vận hành thể chế huy động vốn cho DNNVV trước hết là động lực, động năng vận hành của thể chế.

Bốn là, "sân chơi" của DNNVV có thể hiểu là các thị trường, là đầu mối giao dịch diễn ra hoạt động trao đổi mua bán giữa những "người chơi" thể hiện bằng quy định và yêu cầu từ "cách chơi".

2.1.3. Vai trò thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa

- Vai trò trước tiên của thể chế huy động vốn cho DNNVV là tạo ra vốn cho doanh nghiệp.

- Tạo lập môi trường thể chế cho quá trình hình thành, thu hút nguồn vốn của DNNVV trong nền kinh tế thị trường.

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa là đội quân "chủ lực" của nền kinh tế quốc dân.

- Hệ thống thể chế đầy đủ, đồng bộ về huy động vốn của DNNVV góp phần khơi dậy, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn phân tán từ các tầng lớp dân cư, thành phần kinh tế đảm bảo tái sản xuất hoạt động kinh doanh của DNNVV.

- Góp phần thúc đẩy DNNVV ứng dụng công nghệ mới, phát triển kinh doanh, mở rộng thị trường và gia tăng đóng góp vào thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho DNNVV tham gia vào giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, góp phần ổn định kinh tế, chính trị, xã hội.

- Góp phần gia tăng đóng góp của DNNVV vào ngân sách...

2.2. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

2.2.1. Nội dung thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Luận án tiếp cận đến hệ thống thể chế huy động trong nền kinh tế thị trường theo quy trình vận động của nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh, theo đó, những nội dung chủ yếu của thể chế về vốn của DNNVV bao gồm: (1) Thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa từ các tổ

chức tín dụng; (2) Thẻ chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa từ các nguồn khác.

2.2.2. Tiêu chí đánh giá thẻ chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa

- (1) Tiêu chí về bảo đảm đủ vốn cho DNNVV;
- (2) Tiêu chí về mức độ đầy đủ và tính đồng bộ;
- (3) Tiêu chí về thủ tục tiếp cận vốn nhanh - gọn - chi phí thấp;
- (4) Tiêu chí hiệu lực thẻ chế;
- (5) Tiêu chí về khơi thông nguồn vốn và thúc đẩy DNNVV phát triển đúng định hướng;
- (6) Tiêu chí đánh giá hiệu quả.

2.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến thẻ chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa

- Nhân tố thứ nhất, mức độ hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến vốn và huy động vốn cho DNNVV
- Nhân tố thứ hai, năng lực tài chính trong nền kinh tế quốc dân
- Nhân tố thứ ba, mức độ hội nhập quốc tế và mở cửa thị trường vốn
- Nhân tố thứ tư, khả năng hấp thụ vốn của DNNVV

2.3. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ THẺ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA. BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

2.3.1. Kinh nghiệm quốc tế về thẻ chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Luận án tập trung nghiên cứu kinh nghiệm của Trung Quốc và Mỹ về thẻ chế cho huy động vốn của DNNVV.

Một số chính sách Chính phủ Trung Quốc đã áp dụng như: Chính sách tạo lập môi trường; chính sách tài chính, thuế; đổi mới công nghệ và chính sách thúc đẩy thị trường dịch vụ.

Trong khi đó, Chính phủ Mỹ đưa ra các chính sách: Xây dựng khung khổ pháp lý trên cơ sở chia nhỏ các phòng ban của cơ quan Chính phủ; chính sách thúc đẩy sự phát triển của các loại hình quỹ đầu tư; các cơ quan quản lý giao lưu trao đổi và tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ.

2.3.2. Bài học cho Việt Nam về thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa

- (1) Tạo lập môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho DNNVV;
- (2) Cải thiện thể chế, chính sách hỗ trợ DNNVV huy động vốn hiệu quả;
- (3) Phát triển hệ thống tài chính thông qua đa dạng các kênh huy động vốn cho DNNVV;
- (4) Tăng cường các dịch vụ hỗ trợ DNNVV.

Chương 3

THỰC TRẠNG THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM

3.1. KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN VÀ THỰC TRẠNG HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM

3.1.1. Khái quát quá trình hình thành, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới

Tiêu chí xác định DNNVV có sự thay đổi theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, thông qua một số văn bản quy định pháp luật: Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 về trợ giúp phát triển DNNVV; Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ DNNVV; Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021.

Tính từ năm 2011 đến năm 2023, DNNVV ở Việt Nam có sự gia tăng nhanh chóng về số lượng, cụ thể được phản ánh qua bảng 3.1:

Bảng 3.1: Sự phát triển về số lượng của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam giai đoạn 2011 - 2023

Đơn vị tính: Doanh nghiệp

Năm	Tổng số doanh nghiệp	Tổng số DNNVV	Tỷ lệ DNNVV / Tổng số doanh nghiệp (%)
Bình quân giai đoạn 2011 - 2015	377.898	365.982	96,85
2016	505.059	495.010	98,01
2017	560.413	544.212	97,11
2018	610.637	593.629	97,21
2019	668.505	651.138	97,40
2020	684.260	666.256	97,37
2021	718.697	699.852	97,38
2022	752.476	732.686	97,37
2023	787.842	767.122	97,37

Nguồn: [Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam] và tính toán của NCS.

Những số liệu trên cho thấy trong giai đoạn 2011 - 2023, số lượng DNNVV đang hoạt động sản xuất kinh doanh tăng gấp hai lần từ 365.982 doanh nghiệp lên 767.122 doanh nghiệp và luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số doanh nghiệp Việt Nam. Các DNNVV đã thu hút lượng lớn lao động thông qua hoạt động tạo việc làm. Trong giai đoạn 2011 - 2021, tỷ trọng của các DNNVV về thu hút nhân lực trong tổng số lao động đang làm việc ở các doanh nghiệp chiếm từ 36,1% đến 44,3%. Doanh nghiệp siêu nhỏ có mức thu nhập khá thấp trong khối các doanh nghiệp.

3.1.2. Thực trạng nguồn vốn và huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2011 - 2023

Trong giai đoạn 2011 - 2021, vốn chủ sở hữu của DNNVV có xu hướng tăng nhưng có ba năm vốn chủ sở hữu giảm sút: Năm 2015, 2020 và 2021.

Giai đoạn 2011 - 2021, hệ số nợ ở mức thấp, trong đó, một số thời điểm hệ số nợ đạt ngưỡng an toàn lần lượt qua các năm 2011, 2015, 2019, 2020 và năm 2021.

Về hoạt động huy động vốn, các kênh huy động rất phong phú, đa dạng. Theo Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, dư nợ tín dụng của DNNVV bình quân giai đoạn 2018 - 2022 tăng 14,17% toàn nền kinh tế. Sang năm 2023, dư nợ tín dụng tiếp tục tăng 13,6%. Huy động vốn của DNNVV tại các ngân hàng thuộc Nhà nước luôn chiếm số lượng cao nhất với 48,05% tổng dư nợ; theo sau là các ngân hàng thương mại cổ phần chiếm 47,43%; khối ngân hàng nước ngoài và các tổ chức tín dụng khác cho DNNVV vay ở mức thấp nhất với 4,52%.

3.2. TÌNH HÌNH XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM

3.2.1. Tình hình xây dựng và hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa từ các tổ chức tín dụng

3.2.1.1. Quy định pháp luật của Nhà nước về thu hút, huy động vốn đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

Trên cơ sở cơ chế hỗ trợ DNNVV, Chính phủ đã công bố những văn bản pháp luật: (1) Nghị định số 90/2001/NĐ-CP về việc trợ giúp phát triển

DNNVV vào ngày 23/11/2001; (2) Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/06/2009 về trợ giúp phát triển DNNVV; (3) Luật Hỗ trợ DNNVV vào ngày 12/6/2017; (4) Nghị định số 39/2018/NĐ-CP với nội dung quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ DNNVV; (5) Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hỗ trợ DNNVV; (6) Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV.

Hệ thống thể chế điều tiết quan hệ tín dụng giữa các tổ chức tín dụng và DNNVV: (1) Về Luật các tổ chức tín dụng số 07/1997/QH10, năm 2004 đã ban hành Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi số 20/2004/QH11; năm 2010 - Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12; năm 2017 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14; (2) Thông tư số 45/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 hướng dẫn các tổ chức tín dụng trong cho vay có bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ; (3) Thông tư số 06/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

3.2.1.2. Quy định pháp luật của Nhà nước về kiểm tra, giám sát và xử lý mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn đối với DNNVV

(1) Quy định trong Luật các tổ chức tín dụng Luật số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010; (2) Thông tư hướng dẫn về chính sách cho vay phát triển công nghiệp hỗ trợ số 01/2016/TT-NHNN ngày 04/02/2016.

3.2.1.3. Quy định của các tổ chức tín dụng về thu hút, huy động vốn đối với DNNVV

Các ngân hàng đều có những chính sách tín dụng riêng áp dụng cho những đối tượng khách hàng khác nhau. Luận án lựa chọn hai trong số

nhiều ngân hàng ở nước ta có chương trình hỗ trợ tín dụng cho DNNVV khá nổi bật: (1) Ngân hàng BIDV; và (2) Ngân hàng Vietcombank.

3.2.1.4. Quy định của các tổ chức tín dụng về kiểm tra, giám sát và xử lý mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn đối với DNNVV

(1) Doanh nghiệp nhỏ và vừa phải thực hiện nghĩa vụ tuân theo sự kiểm tra giám sát của bên cho vay; (2) Các sai phạm luôn tiềm ẩn, khó định lượng cụ thể, công tác kiểm tra giám sát đòi hỏi tổ chức tín dụng phải có thời gian, nghiệp vụ, quy trình thực hiện; (3) Chương trình hỗ trợ lãi suất từ nguồn NSNN theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP và Thông tư số 03/2022/TT-NHNN; (4) Công tác quản trị rủi ro Nam Á Bank.

3.2.2. Tình hình xây dựng và hoàn thiện thể chế huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa từ các nguồn khác

3.2.2.1. Quy định của Nhà nước về thu hút, huy động vốn từ các chính sách, đề án hỗ trợ đối với DNNVV

- Điều 8, Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017, quy định về nguồn vốn hỗ trợ DNNVV.

- Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020; Quyết định số 22/2020/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 giảm tiền thuê đất, thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm ứng phó với ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19.

- Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 với nội dung hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19; Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 để bổ trợ Nghị quyết 406; Nghị quyết số 68/ NQ-CP ngày 1/7/2021 và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 7/7/2021 triển khai chương trình cho vay trả lương ngừng việc và trả lương phục hồi sản xuất.

3.2.2.2. Quy định của Nhà nước về kiểm tra, giám sát và xử lý mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn từ các chính sách, đề án hỗ trợ đối với DNNVV

- Điều 13, Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 90/2001/NĐ-CP quy định nhiệm vụ của Cục Phát triển DNNVV và Ủy ban nhân dân các tỉnh,

thành phố trực thuộc Trung ương.

- Điều 15 và Điều 18 của Nghị định số 56/2009/NĐ-CP quy định nhiệm vụ đối với đơn vị quản lý về trợ giúp phát triển DNNVV ở Trung ương và địa phương.

- Luật Hỗ trợ DNNVV số 04/2017/QH14 quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong việc hỗ trợ DNNVV tại Điều 7; trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và chính quyền địa phương cấp tỉnh tại Điều 24 và Điều 25; các quy định chi tiết tại Điều 30 và Điều 32.

- Nghị định số 39/2018/NĐ-CP quy định trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động hỗ trợ tư vấn của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được quy định tại Điều 25; trách nhiệm của cơ quan chủ trì Đề án hỗ trợ DNNVV tại Điều 27.

- Nghị định số 80/2021/NĐ-CP bổ sung quy định về nội dung của Đề án hỗ trợ DNNVV, quy định tại Điều 31.

- Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT quy định các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đối với các hoạt động hỗ trợ DNNVV.

3.2.2.3. Quy định của các quỹ về thu hút, huy động vốn đối với DNNVV

- Nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30/06/2009 có đề cập về Quỹ Phát triển DNNVV.

- Quyết định số 601/2013/QĐ-TTg ngày 17/4/2013 và Thông tư số 13/2015/TT-BKHĐT ngày 28/10/2015 về Quỹ Phát triển DNNVV và các hỗ trợ của Quỹ cho DNNVV thuộc lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích của Nhà nước.

- Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV được triển khai theo Nghị định 34/2018/NĐ-CP: Điều 17 phạm vi bảo lãnh tín dụng của Quỹ; Điều 28 quy định đối với bên được cấp bảo lãnh là các DNNVV.

- Nghị định số 39/2018/NĐ-CP quy định về quyết định đầu tư vào DNNVV khởi nghiệp sáng tạo từ nguồn vốn của các Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

3.2.2.4. Quy định của các quỹ về kiểm tra, giám sát và xử lý mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn đối với DNNVV

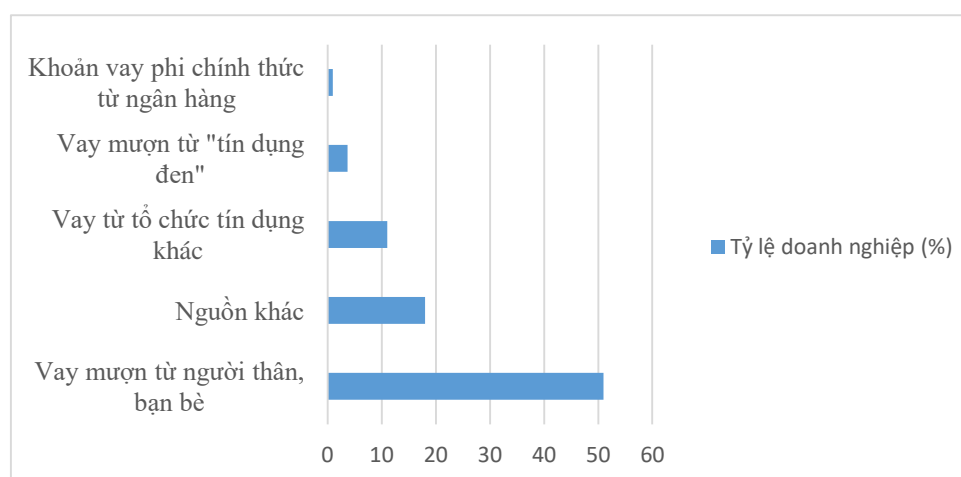
- Quyết định số 601/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định quyền hạn của Quỹ phát triển DNNVV.

- Đối với Quỹ bảo lãnh tín dụng, Nghị định 34/2018/NĐ-CP hướng dẫn quy định về kiểm tra, giám sát và xử lý mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn đối với DNNVV trên hai khía cạnh quyền và nghĩa vụ của quỹ bảo lãnh tín dụng, quy định tại điều 26.

3.2.2.5. Quy định của các chủ thể nền tảng kỹ thuật trực tuyến về thu hút, huy động vốn đối với DNNVV

Tình hình tìm kiếm nguồn tín dụng khác của DNNVV trong báo cáo PCI 2021 được phản ánh qua biểu đồ 3.1:

Đơn vị tính: %



Biểu đồ 3.1: Nguồn tín dụng DNNVV nếu không huy động từ ngân hàng

Nguồn: [PCI 2021].

Huy động từ các nguồn khác chiếm tỷ lệ không nhỏ với 18% thông qua vốn góp các cổ đông, cầm cố, bán tài sản hoặc vay mượn dưới hình thức khác, chẳng hạn vay vốn qua các nền tảng kỹ thuật trực tuyến.

Nền tảng tài trợ chuỗi cung ứng (SCF). Hiện nay, khung pháp lý cho các giao dịch bảo đảm được củng cố thông qua Bộ luật Dân sự mới và các Nghị định 21 và 99.

Nền tảng gọi vốn cộng đồng cũng đã đưa ra những quy định nhưng

chưa thực sự cụ thể, trong đó, để bảo vệ nhà đầu tư trước những dấu hiệu lừa đảo, nền tảng đưa ra quy định hoàn tiền nếu nhận thấy dấu hiệu này.

Cho vay ngang hàng - P2P. Tại Việt Nam, khung khổ pháp lý hiện hành chưa có quy định riêng, với tư cách là quan hệ hợp đồng, cho vay ngang hàng chịu sự điều chỉnh bởi Bộ luật Dân sự, trong đó có quy định về hợp đồng vay tài sản.

3.2.2.6. Quy định của các chủ thể nền tảng kỹ thuật trực tuyến về kiểm tra, giám sát và xử lý mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn đối với DNNVV

Quy định của các nền tảng kỹ thuật trực tuyến về kiểm tra, giám sát và xử lý mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn đối với DNNVV chưa rõ ràng, chưa đáp ứng được nhu cầu quản lý, theo dõi, kiểm tra, giám sát. Trong quá trình tham gia nền tảng, các nhà đầu tư và DNNVV có khả năng xảy ra tranh chấp hoặc là khi rủi ro xảy ra.

3.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM

3.3.1. Thành tựu đã đạt được

Thứ nhất, hệ thống thể chế cho huy động vốn của DNNVV đã từng bước xây dựng và ngày càng tích cực theo hướng đồng bộ, văn minh và đầy đủ. Các văn bản pháp luật ra đời vào giai đoạn sau của lịch sử không chỉ kế thừa những cái tốt mà còn tiếp thu ý kiến của các chủ thể xoay quanh vấn đề cần quan tâm nhằm xử lý các vấn đề còn tồn tại và hạn chế.

Thứ hai, hệ thống thể chế cho huy động vốn đã mang lại những tín hiệu tích cực cho DNNVV trong huy động các nguồn vốn. Nhiều chính sách liên quan đến DNNVV huy động vốn được ban hành đã tạo nên môi trường hành lang pháp lý để DNNVV yên tâm thực thi và đảm bảo tuân thủ pháp luật.

3.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

Những hạn chế: (1) Hệ thống thể chế chưa thực sự đúng với mục tiêu huy động vốn của DNNVV đặt ra, những thay đổi chưa hợp lý trước sự

biến động của điều kiện kinh doanh. (2) Chất lượng một số thể chế chính thức chưa cao, chưa thực sự thích hợp trong việc đảm bảo sự an toàn cho DNNVV trong huy động vốn.

Những nguyên nhân dẫn đến hạn chế nêu trên, bao gồm:

Thứ nhất, từ phía thẩm quyền các cơ quan nhà nước. Thể chế được xây dựng phải trải qua một khoảng thời gian mới đi vào thực tiễn và có chiều sâu. Các cơ quan quản lý nhà nước chưa đánh giá đúng năng lực của DNNVV, nhiều quan điểm chưa rõ ràng. Công tác triển khai chưa kịp thời, đôi khi chưa bám sát thực tiễn. Việc giám sát, đánh giá còn bị phân tán. Các chương trình hỗ trợ DNNVV khó tiếp cận.

Thứ hai, từ phía các tổ chức tín dụng. Cụ thể, các ngân hàng thương mại thường không đủ thông tin và chưa thực sự tin tưởng DNNVV. Thủ tục cho vay của các tổ chức tín dụng đối với DNNVV đôi khi còn khá rườm rà và yêu cầu nhiều giấy tờ. Ngoài ra, một số bộ phận cán bộ ngân hàng còn thiếu nghiệp vụ trong quá trình xử lý hồ sơ cho vay của DNNVV...

Thứ ba, từ phía DNNVV. Nhận thức về thể chế hỗ trợ DNNVV nói chung và thể chế cho huy động vốn nói riêng còn bất cập. Mức độ tuân thủ pháp luật của các thành viên DNNVV cũng là nguyên nhân tác động đến hoạt động huy động vốn. Doanh nghiệp nhỏ và vừa hạn chế một số kỹ năng.

Chương 4

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2035, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

4.1. DỰ BÁO BỐI CẢNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN THỂ CHẾ CHO HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

4.1.1. Dự báo bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước tác động đến thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam

- Bối cảnh thế giới

Dự báo về tình hình kinh tế thế giới có nhiều bất định khó lường, gây nhiều khó khăn cho sự hình thành luân chuyển nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh, đặt ra yêu cầu thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam phải tiếp tục hoàn thiện thời gian tới. Đại hội XIII của Đảng nhận định về những ảnh hưởng không nhỏ đến huy động vốn của DNNVV và yêu cầu hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam thời gian tới.

- Bối cảnh trong nước

Qua gần 40 năm đổi mới, Đảng ta, đất nước ta đã đạt những kết quả quan trọng, toàn diện và đáng mừng của trên nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, trong nước vẫn đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn tác động đến hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam thời gian tới.

4.1.2. Định hướng đổi mới, hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV theo hướng phù hợp với yêu cầu vốn của quy trình kinh doanh của DNNVV trong nền kinh tế thị trường.

Thứ hai, việc hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV thời gian tới thực hiện theo hướng đầy đủ, đồng bộ. Việc hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV phải dựa trên tầm nhìn dài hạn về xu thế phát triển của doanh nghiệp trong bối cảnh mới.

4.2. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

4.2.1. Về phía Nhà nước

(1) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế chính thức về huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng đầy đủ, đồng bộ, xóa bỏ các rào cản thể chế về huy động vốn không còn phù hợp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam; (2) Hoàn thiện thể chế hoạt động của quỹ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam; (3) Hoàn thiện thể chế trong hỗ trợ, bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp nhỏ và vừa khi phải đối mặt với những rủi ro pháp lý, tranh chấp quốc tế.

4.2.2. Về phía các tổ chức tín dụng

Hoàn thiện các quy định về cung cấp vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam.

4.2.3. Về phía các DNNVV

Tăng cường năng lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam.

4.2.4. Một số giải pháp khác

(1) Thống nhất và nâng cao nhận thức của các chủ thể xây dựng và thực thi thể chế về tầm quan trọng của thể chế cho huy động vốn đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; (2) Mở rộng dân chủ hóa trong xây dựng, hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam; (3) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về thể chế cho huy động vốn đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chủ động tiếp cận vốn; (4) Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả thể chế cho huy động vốn đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua tiếp tục cải cách thủ tục hành chính.

KẾT LUẬN

Doanh nghiệp nhỏ và vừa là một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường và yếu tố vốn phải đủ cho các cung cầu tài chính. Thể chế cho huy động vốn của DNNVV bao gồm nhiều yếu tố hợp thành, trong đó những khung khổ, quy định chính thức do Nhà nước ban hành và những quy định của các tổ chức tín dụng về thu hút, huy động vốn cũng như giám sát, kiểm tra và giải quyết mâu thuẫn trong quan hệ về huy động vốn đối với DNNVV. Mức độ đầy đủ, đồng bộ và hoàn thiện của thể chế cho huy động vốn của DNNVV cùng với tính hiệu lực và ảnh hưởng, tạo thuận lợi cho hoạt động huy động vốn của các DNNVV.

Phân tích thực trạng thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam cho thấy đóng góp đáng kể cho các lợi ích xã hội của DNNVV, hệ thống thể chế cho huy động vốn của DNNVV đã từng bước xây dựng và hoàn thiện theo càng đồng bộ, văn minh và đầy đủ; đồng thời tạo điều kiện cho DNNVV trong huy động các nguồn vốn. Trên cơ sở chủ trương của Đảng và Nhà nước, doanh nghiệp nhỏ và vừa được quan tâm và tiếp nhận vốn cởi mở hơn. Song, cho đến nay, hệ thống thể chế cho huy động vốn của DNNVV vẫn còn những bất cập, cần được thay đổi, hoàn thiện.

Trên cơ sở khung khổ lý thuyết đã xây dựng, đánh giá thực trạng thể chế cho huy động vốn của DNNVV cùng dự báo về bối cảnh mới tác động, kế thừa kinh nghiệm một số quốc gia, các giải pháp của luận án tập trung vào bốn nhóm giải pháp chính nhằm tiếp tục hoàn thiện thể chế cho huy động vốn của DNNVV ở Việt Nam thời gian tới bao gồm: (1) Về phía Nhà nước; (2) Về phía các tổ chức tín dụng; (3) Về phía các DNNVV; (4) Một số giải pháp khác. Hoàn thiện thể chế cho huy động vốn có ý nghĩa to lớn đối với DNNVV trong hoạt động tăng gia sản xuất, phát triển kinh doanh, mở rộng đầu tư, ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự thịnh vượng của quốc gia nói

chung và nâng cao cạnh tranh của DNNVV nói riêng. Do đó, cần có tầm nhìn dài hạn và hướng đến những giải pháp đồng bộ, đảm bảo giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Đoàn Phương Thảo (2018), "Nguồn vốn cho phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*, (11), tr. 43-49.
2. Đoàn Phương Thảo (2020), "Giải pháp về nguồn vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng phó đại dịch covid-19 ở Việt Nam", *Tạp chí Lao động và xã hội*, (627), tr. 30-32.
3. Đoàn Phương Thảo (2023), "Kinh nghiệm quốc tế về hoàn thiện thể chế huy động vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa", *Tạp chí Tài chính*, (805), tr. 132-135.
4. Đoàn Phương Thảo, Vũ Ngọc Hoàng (2023), "Bàn về thể chế huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam", *Tạp chí Tài chính*, (806), tr. 75-78.
5. Đoàn Phương Thảo (2023), "Thể chế cho doanh nghiệp nhỏ và vừa huy động vốn từ các NHTM", *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (23), tr. 70-72.